

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

QUYỂN 6 (PHẦN ĐẦU)

Nói các Thức thức khác, vốn giải thích như Số. Tây Minh nói: Ý thức thứ sáu và Đại chúng bộ v.v... đã lập ra ý thức tế, tự tông Thức thứ bảy, Thức thứ tám đều là hữu pháp Thức thức khác, nhưng Thức thứ bảy, thứ tám, trước nương theo lý giáo, đã thành lập nên hữu pháp được thành lập. Nay cho rằng không đúng. Nếu trước thành lập hữu pháp được thành tựu, chẳng phải chấp lấy pháp bên ngoài, trước đã lập xong, lẽ ra lập rồi thành tựu. Nếu nói rằng trước lập là hữu, nay lập ra chẳng lia, nên chẳng phải đã thành tựu, trước cũng từng thành tựu, không lia thức xong. Lại Đại chúng bộ lập ra thô tế ý Thức thứ sáu, nay cũng lập ra nó, đâu không trái với tông? Nếu nói tế của họ tức là Thức thứ tám của ta, làm sao thành lập Đại chúng bộ kia được lập ý thức tế, lập ra tự thức thứ tám? Nếu không đặt lời cực thành, thân sau Bồ-tát ý thức bất thiện, chư Phật phương khác ý Thức thứ sáu cũng trong hữu pháp, lẽ ra có một phần sở biệt chẳng thành. Nếu đặt vào cực thành tức là Thức thứ bảy, Thức thứ tám chẳng phải tha thừa nhận. Yếu Tập ghi: “Nếu trong thức khác, gần cả Thức thứ bảy, thứ tám, hữu pháp tuy nói thức khác, vẫn có bất định”, do có giải thích này đối với lý là thắng. Nay cho rằng không đúng, hữu pháp của thức khác tức là gồm cả Thức thứ bảy và Thức thứ tám, lại có thức nào mà làm bất định? vì tránh được lỗi này, chỉ nói Thức khác, không nói Thức thứ sáu. Lại nếu chẳng gồm cả Thức thứ bảy, Thức thứ tám gần gũi cảnh sở duyên không lia tâm năng duyên, cũng không phải bất định.

Luận: Nghĩa là lúc các thức sinh không có thật tác dụng v.v...

Đại thừa trong gương thật không phải sắc khởi, luận Tát-bà-đa thừa nhận có sắc khác sinh, luận này nói chỉ như gương v.v... tự như cảnh hiện ra. Vốn giải thích như ông tức là như luận Tát-bà-đa kia v.v...

nếu sư Kinh bộ, tuy không phải sắc khác cũng có tự như hiện ra chẳng phải tông của Đại thừa thừa nhận có sắc khác. Kinh Duy-ma ghi: “Như mầm lúa cháy, như tiếng vọng trong hang, như hình tượng trong gương v.v... đều dụ là không có”, nếu như vậy vì sao Nhiếp Đại thừa v.v... lấy hình tượng trong gương dụ cho y tha khởi, không thể đứng về tha, vì tha là thật, vốn không có sắc riêng, vì sao dụ y tha?

Đáp: Có hai giải thích: một là chấp lấy nghĩa chẳng lìa; hai là chấp lấy tự nghĩa. Vả lại như hình tượng trong gương, luận Tát-bà-đa thừa nhận một là không lìa gương; hai là tự như mặt gương v.v... mà chẳng phải mặt thật, không chấp lấy tượng sắc thật cùng với chẳng thật, đối đáp luận Tát-bà-đa chấp lấy hai nghĩa đó, đối đáp sư Kinh bộ chấp lấy nghĩa tự có, thật không lìa tâm.

Hỏi: Đại thừa trong gương tức là thật không tượng, vì sao Giải Thâm Mật phẩm Tâm Y Thức ghi: “Như một ảnh sinh ra duyên hiện ở trước chỉ một ảnh khởi v.v...”, kinh Phật Địa ghi: “Như nương theo gương tròn các tượng ảnh hiện ra”?

Đáp: Đứng về tông khác và thế gian thừa nhận, chấp lấy cho là dụ lại cũng không trái, Kinh bộ tuy không thật ảnh, chấp lấy tự cũng lại không lỗi. Nhiếp luận ghi: “Do mê loạn” nghĩa là thấy được ảnh tượng v.v... Căn cứ vào tự thật nghĩa vì phá tông khác, nên Giải Thâm Mật ghi: “Như gương là duyên trở lại thấy tự chất, chẳng phải gương có ảnh”. Luận Đại Trí Độ quyển 36 ghi: “Như thấy hình tượng trong dầu v.v...” cũng là đứng về tha, chẳng phải Long Mãnh v.v... chấp nó là thật.

Hỏi: Vạn hỏi tâm trí khác lẽ ra duyên theo cảnh bên ngoài, nay nói duyên theo tự tâm, chẳng phải gần gũi duyên theo tâm khác, lẽ ra như gương là duyên trở lại thấy được tự chất, lấy gương dụ tâm, làm chấp lấy chất?

Đáp: Nếu như vậy lỗi gì, cả hai đều có lỗi, vì gương dụ tâm, nên nói lấy gương làm duyên trở lại thấy được gương đó, tâm làm duyên trở lại thấy tâm đó.

Hỏi: Đâu thể nói trở lại thấy tự chất, lấy chất dụ tâm làm vấn nạn, chuẩn theo đây chẳng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Vả lại căn cứ theo tán vị lẽ ra nói như chất cho gương là duyên trở lại thấy được tự chất, nay tha tâm trí lấy tha tâm duyên trở lại thấy được tự tâm.

2. Theo định như định là duyên, tự tâm biến hiện vô số ảnh tượng, chẳng lìa tự tâm, như tự tán tâm cho gương là duyên trở lại thấy được

bản chất, chẳng lia được chất, trong gương sinh ra khác.

Hỏi: Tự tâm tha là duyên trở lại có thể thấy được tự tâm, tự chất gương là duyên chất không thể thấy được, chất vì sao là dụ?

Đáp: Dụ chấp lấy ít phần, như tự nhãn chất cho gương là duyên trở lại thấy được nhãn chất, nên nói rằng trở lại thấy tự chất, tuy đã thấy chẳng phải nhãn, nhãn nương theo xứ, tùy theo thể tục.

Hỏi: Trong sở kiến căn cứ theo tông của Đại thừa, chất tướng có khác, vì sao được nói trở lại thấy tự chất?

Đáp: Nhiếp tướng từ chất, do tự như chất, căn cứ theo thật sở kiến gần gũi thấy được tự tướng, chấp lấy dụ của ít phần, dụ cho tha tâm trí v.v... cảnh của sở thủ, thấy đều không lỗi, nên luận Vô Tánh quyển 5 ghi: “Chẳng phải đẳng dẫn địa thiện ác tự nghiệp bản chất là duyên quả của ảnh tượng sinh ra cũng lại như vậy”.

Hỏi: Các mê loạn kiết sở thấy ảnh tượng, lấy gì làm thể, chỗ nào được nhiếp?

Đáp: Độc đầu tán ý phân biệt, vọng chấp nghĩa là gương có ảnh v.v... là mê loạn v.v... đã thấy ảnh tượng. Chỗ nào nhiếp? Yếu Tập ghi: “Có thuyết nói trở lại là sắc xứ tự như tướng trước”, Sở không có văn. Giải thích trong chương Pháp Xứ của Pháp Uyển rằng: “Sắc của ảnh tượng là sắc xứ”. Căn cứ theo độc ý thức tán, duyên theo năm trần gọi là phân biệt ý, vì tướng theo chất thuộc về sắc xứ, không hiểu trong gương chấp có thật sắc làm ảnh tượng. Pháp sư vốn giải thích không nương gá theo chất vọng chấp tượng của gương làm thật có là trong pháp xứ biến kế đã khởi.

Hỏi: Trong luận Hiển Dương cảnh của năm trần sắc cũng có ảnh tượng sắc, trong pháp xứ sắc có cảnh định sở hành, cũng có ảnh tượng sắc, trong biến kế sắc cũng có ảnh tượng sắc, có gì sai biệt?

Đáp: Ảnh tượng của sắc xứ có hai giải thích:

1. Phân biệt ý thức, duyên theo tướng của năm trần, vì cảnh đối căn nên thuộc về pháp xứ, nay từ chất và sơ sinh quả, nên thuộc về sắc xứ.

2. Năm thức đã biến đổi gọi là ảnh tượng sinh, bản thức đã biến đổi làm sắc khác, vì căn đối cảnh, Thức thứ tám đã biến đổi nên thấu tóm pháp xứ, vì tối từ sáng nên thuộc về sắc xứ.

Hai giải thích đều được, nhưng giải thích thứ hai trội hơn, ảnh tượng của biến kế trước đã lược rõ ràng. Định sở hành là đã biến đổi vàng v.v... không phải thật dụng, gọi là định ảnh tượng.

Hỏi: Cho cảnh là duyên, vì sao không nói trở lại thấy được tự cảnh

duyên theo ảnh tượng?

Đáp: Duyên theo ảnh không phải cực thành, nhiếp theo tướng nói rằng thấy được chất.

Giải thích tha tâm trí, gọi là trong Duy thức. Tây Minh nói: An Tuệ có ba giải thích, Hộ Pháp có hai giải thích, An Tuệ không trái. Hộ Pháp trong giải thích thứ hai nói: Tất cả sở duyên không lìa năng duyên, nên gọi là Duy thức, thông với tất cả vị nói trong có lạm dụng. Nói tất cả sở duyên không chia ra thân sơ, sơ Sở duyên duyên lạm dụng thân sở duyên, tổng nói không lìa năng duyên. Nếu sơ Sở duyên duyên cũng không lìa tâm năng duyên, vì sao cần phải nói rằng duyên theo tha tâm trí? Không phải thân duyên theo tha tâm, nên chẳng lìa thức thủ. Nếu thân duyên theo tha tâm cũng không lìa tự tâm. Lại trước vì sao nói lẽ ra không phải thân duyên theo lìa sắc v.v... của mình; vì sở duyên kia không lìa mình. Chánh giải nên nói tất cả thân sở duyên không lìa năng duyên gọi là Duy thức.

Luận: Nhất thiết chủng tử thức.

Tây Minh nói: Hay dẫn dắt tự loại, và dẫn dắt đồng thời tự hoại hiện hành là tánh của nhân duyên, tức là tự hỏi rằng: Nếu như vậy vì sao lôi kéo dẫn dắt chủng tử làm tánh của nhân duyên?

Giải thích rằng: Thật chẳng phải nhân duyên, nhưng Bồ-tát địa giả gọi là nhân duyên, nhân duyên loại, nay cho rằng không đúng, từ xa mong hiện tại gọi là khiên dẫn, chưa thấm nhuần các chủng tử tự loại tướng sinh cũng là nhân này, nên gọi là nhân duyên.

Luận: Vì Cực vi tròn.

Tây Minh có ba giải thích, giải thích thứ ba nói: Văn trước đồng giải thích nhân quả thứ sáu, tức là không phải sở huân, văn sau giải thích riêng nhân quả thứ sáu, nhân vi tế quả vô minh. Yếu Tập ghi: “Ở trong các giải thích, có giải thích thứ ba, đối với lý thuận nhau”. Nay cho rằng không đúng, nghĩa là bảy chuyển thức giải thích riêng Thức thứ bảy Thức thứ tám trước phẩm tâm dưới, giải thích Thức thứ tám, cực vi tròn đồng giải thích tám thức ở nơi nhân Dị thực, quả vị Vô lậu, nguyên do không huân tập, vì nghiệp Dị thực rất vi tế yếu kém, nên không huân tập, quả vị Vô lậu rất viên mãn nên không huân tập. Nếu không như vậy trước nói trừ Phật quả thiện rất Vô ký yếu kém không thể huân tập. Có nguyên do gì? Do đây vốn nói đối với lý là thắng, vì Sở giải nói. Lại giải thích Thức thứ tám trong nhân và sáu thức trong tâm Dị thực, đều không huân tập vì rất vi tế, quả thứ tám trên vì rất viên mãn, riêng lựa ra Thức thứ tám quả mới Vô lậu, năm thức khác giải thích có thừa nhận

đồng nhân, thân Phật pháp thiện không phải tăng giảm, thật quả tám thức đều nên lựa ra, đồng giải thích tám thức. Do đây luận trước chỉ nói có bảy thứ hay huân tập bản thức sinh ra chủng tử của tự loại.

Luận: Dị sinh cầu hưởng đến tâm của cõi Sắc sau dần sinh Vô lậu v.v...

Sớ giải thích đốn ngộ, đến Địa thứ tám sinh Tịnh lự thứ tư, ban đầu đắc được thân thù thắng, mới thọ biến đổi. Tây Minh nói: Dị sinh cầu Phật là người đốn ngộ, chưa đoạn được sức của phiền não tùy miên, tâm cõi Sắc sau dần dứt sinh Vô lậu. Nay cho rằng, nếu đã tùy miên chưa đoạn tức là sinh về cõi trời kia, quả thứ nhất, thứ hai người tùy miên, và chưa đoạn sắc quả thứ hai người hồi tâm cầu Phật, lẽ ra định sinh về Đệ tứ thiên. Có tùy miên do đây nên biết, đốn ngộ thù thắng có thể không nhầm chán sinh tử, chấp lấy thân hơn hết, mới thọ được biến đổi, nên nhất định sinh cõi kia, hàng Nhị thừa không như vậy nên không phải định sinh. Yếu Tập ghi: “Từ Địa thứ tám trở lên cũng không đoạn tùy miên, thọ sinh có dụng, nên Địa thứ mười mới sinh ra tự tại, địa còn lại Bồ-tát chưa phải cực huân tu, nên không được sinh”. Do đây luận Du-già quyển 4 ghi: “Do cực huân tu Địa thứ mười nên được sinh trong đó”. Luận Hiển Dương quyển 2 ghi: “Nếu khéo tu tập Tam-ma-địa không nghĩ bàn”. Trong Địa thứ mười, chỗ thiên thứ tư, thọ vượt khỏi Tịnh cư, Đại tự tại thiên sinh quả, văn của kinh luận đều nêu bày. Nhị thừa hồi tâm, nếu bậc Vô học là tất cả sinh sau đều đắc được phi Trạch diệt, trải qua cõi Dục sinh về hai quả ban đầu. Hai cõi trên sinh cũng phi Trạch diệt, tức là ở cõi Dục thọ biến dị sinh. Quả Bất hoàn, người cõi Dục hồi tâm, tức là ở cõi Dục thọ biến dị báo, cõi Sắc hồi tâm tức là cõi Sắc thọ, bậc học Vô học này thọ biến dị rồi nhất định không phải tử sinh, nhưng đến tự tại không phải gọi là sinh. Bồ-tát đốn ngộ chỉ trừ ba ác, còn lại tất cả sinh chưa đắc được phi trạch, phiền não chưa đoạn tuy thọ biến dị, cũng có sinh tử. Nay cho rằng không đúng. Các thọ biến dị ắt sẽ không xả thọ, riêng thọ sinh tử, nếu riêng thọ báo làm nghiệp Quảng quả thiên, làm nghiệp Đại tự tại thiên, nếu nghiệp của Quảng quả không khác với thọ trước, vì sao cần phải thọ lại? Nếu nghiệp Tự tại thiên kia lúc nào tạo tác? Nếu là mới tạo chẳng gọi là hậu báo, nếu là xưa tạo nên năm Na-hàm xưa tạo tác nghiệp Tịnh cư, kia tức là không như vậy đây vì sao như vậy? Lại nữa Nhị thừa hữu học hồi tâm đến Địa thứ mười lẽ ra biệt sinh tử, văn nói Địa thứ mười Bồ-tát sinh, không nói đến thẳng chẳng phải tiệm ngộ.

Lại luận này quyển 8 ghi: “Nghĩa là Bất định tánh, Độc giác,

Thanh văn và đắc tự tại đại nguyện Bồ-tát đã vĩnh viễn đoạn, hàng phục Phiền não chướng, không dung chứa lại thọ đương phần đoạn thân”, e rằng phước bỏ thời gian dài tu hạnh của Bồ-tát, bèn dùng nguyện lực Vô lậu thắng định, như pháp kéo dài tuổi thọ giúp cho nhân của thân hiện tại khiến cho thời gian dài kia, cùng với quả không dứt vài lần như vậy, định nguyện giúp thêm, cho đến chứng được Vô thượng Bồ-đề. Nếu Địa thứ mười có sinh tử, nên càng dung chứa thọ đương phần đoạn thân, cũng chẳng phải vĩnh viễn hàng phục Phiền não chướng. Lại không được nói giúp cho nhân của thân hiện tại và quả không dứt.

Hỏi: Nhị thừa Kiến đạo, trước hồi tâm mong Đại làm tiệm, làm đốn.

Đáp: Như bản Pháp Hoa sơ và Pháp Hoa Nghĩa Quyết nói rộng, sợ dài dòng nên không dẫn ra.

Luận: Cung Đại tự tại.

Đối Pháp quyển 6, kinh Giải Thâm Mật, luận Du-già quyển 78, quyển 79 đều nói tổng tướng. Như luận Du-già quyển 79 đã nói, Tịnh độ hoặc Bồ-tát Địa thứ ba v.v... vãng sinh. Mười địa cũng ở trong đó, luận Đối Pháp chỉ nói rõ cõi Tịnh độ của Phật, nói: “Chỉ Phật được giác ngộ chẳng phải đắc được thiền định, cảnh giới của thiền định, tổng tướng nói cõi nước không lựa ra Phật nào, cũng thông với Bồ-tát mà được vãng sinh”. Trong văn cũng bao hàm cung Đại tự tại, chỗ Bồ-tát sinh về, nếu không như vậy Bồ-tát Thập địa không được sinh, vì do văn ẩn. Yếu Tập ghi: “Còn lại vốn không được”, nhưng cung Tự tại là nơi thọ Phật vị, ở cõi tha dụng, xứ đã bất định, vì sao biết? Chuẩn theo kinh Đại Địa ghi: “Ngay lúc Bồ-tát Tam-muội hiện tiền, có hoa sen báu lớn tròn khắp như mười a-tăng-kỳ, trăm ngàn ba ngàn đại thiên thế giới của chư Phật, là lúc Bồ-tát hiện tiền thù thắng vi diệu ở đó, gọi là Khả hoa tòa”, thế giới đã có mười phương, chẳng đồng với Hữu bộ cho là trái bên cạnh, nên xứ sở của Tự tại cung bất định. Nhưng kinh luận Thập Địa ghi: “Hậu báo lợi ích Ma-ê-thủ-la trí xứ sinh”, căn cứ theo Địa thứ mười, vừa đến mà nói, Địa thứ mười có đầy đủ xứ sở để thọ Phật vị, chẳng phải nhất định đến chỗ cung Tự tại.

Hỏi: Như Sơ địa Bồ-tát, thấy cõi tha thọ dụng như một trăm ba ngàn, gấp bội ở trên, chấp Địa thứ mười đã thấy Tịnh độ vô lượng vô biên, vì sao còn sinh về cõi Tịnh cư ở tại Tự tại trên? Lại từ Sơ địa trở xuống không sợ đường ác, vì thường sinh về cõi Phật, chẳng phải cõi Phật kia, chỉ Tịnh cư trên?

Đáp: Cõi Phật tuy lớn nhỏ có khác, Bồ-tát Hữu lậu cũng hiện khởi

thức, giống như là Hữu lậu thuộc về giới địa, chẳng phải lìa ba cõi có riêng chúng sinh, tùy theo sinh về cõi nào, căn cứ theo Thức thứ tám đều thuộc về cõi, theo đây mà nói Bồ-tát Thập địa, do cực huân tu chiêu lấy Ngũ tịnh cư sinh về cung Tự tại nên cũng không lỗi, nhưng cung Tự tại chẳng phải thuộc về Tịnh cư. Luận Du-già quyển 4 ghi: “Trong cõi Sắc mười tám trụ xứ, Vô tướng thiên là Quảng quả thiên nhiếp, nên cung Tự tại chẳng phải Ngũ tịnh cư, nếu Tịnh cư nhiếp xứ sẽ là mười bảy chẳng phải mười tám”.

Luận: Chuyển thức thứ sáu ba cõi chín địa càng dẫn dắt nhau.

Hỏi: Tổng có bao nhiêu tâm? Từ cõi Dục tâm gì? Sinh về cõi Dục tâm gì? Tâm sinh về hai cõi trên và không trói buộc tâm, là hỏi cũng như vậy?

Đáp: Căn cứ theo luận Hiển Dương quyển 18 ghi: “Cõi Dục trói buộc có tám tâm: Một là Sinh đắc thiện; hai là Phương tiện thiện; ba là Bất thiện; bốn là Hữu phú vô ký. Và Vô phú vô ký chia làm bốn loại, nghĩa là Dị thực, oai nghi, công xảo, biến hóa tâm. Cõi Sắc trói buộc có sáu tâm trừ bất thiện, công xảo. Cõi Vô sắc trói buộc có bốn: Trừ bất thiện, oai nghi, công xảo, biến hóa tâm. Không trói buộc tâm có hai, nghĩa là hữu học, Vô học, tổng có hai mươi tâm”, nhưng tổng tướng nói cõi Dục khởi ba cõi, cõi Sắc khởi hai cõi, cõi Vô sắc khởi Vô sắc, đều mỗi mỗi khởi không trói buộc. Lại từ cõi Dục không phải biến hóa tâm, từ tướng tự nói thật là cõi trên, nên quyển 69 ghi: “Như quả của cõi Sắc, cõi Dục biến hóa tâm”, tức là từ cõi Sắc tâm thiện vô gián duyên, cõi Dục này Vô ký tâm. Lại nói tâm này là cõi Dục, nên biết là loại của ảnh tượng kia, chẳng phải tự tánh. Chuẩn theo đây căn cứ theo cõi Dục bảy tâm, trừ biến hóa tâm chẳng phải cõi Dục trói buộc, nên hỗ tương sinh làm vô gián. Vả lại căn cứ theo cõi Dục, lược làm bài tụng rằng:

*Dục sinh đắc khởi bảy
Đắc định hoặc chín, mười
Tự từ nơi mười sinh
Phương tiện cũng định bảy
Sơ đắc định sinh chín
Tự tại khởi mười ba
Từ tha sinh cũng vậy
Bất thiện tự địa bảy
Cõi khác có hai thuyết
Tự, thượng đều bảy sinh
Hữu phú đồng mười hai*

*Từ tha mười sáu sinh
 Sinh tử đẳng phân biệt
 Dị thực chỉ sinh chín
 Tự bảy, hai Hữu phú
 Cũng từ tự bảy sinh
 Oai nghi, xảo định chín
 Hoặc mười lăm bất định
 Hai từ tha tự bảy
 Hai cõi trên bất định.*

Nói: Dục sinh đắc khởi bảy, đắc được định hoặc chín, mười là: Vả lại cõi Dục sinh đắc chẳng phải đắc định là vô gián sinh ra bảy tâm, nghĩa là bảy tâm của cõi Dục. Nếu ban đầu đắc định vô gián sinh ra chín tâm, lại thêm sắc, Vô sắc, Hữu phú vô ký tức là nhuận sinh vị. Nếu tu tập tâm vô gián sinh ra mười tâm, lại thêm sắc, oai nghi, nên luận Du-già quyển 69 ghi: “Nếu đã khởi thiền định, Vô sắc không phải thoái mất, từ cõi Dục tâm thiện vô gián, tùy theo sở thích Địa trên các tâm và học, Vô học tâm, muốn khởi hiện tiền, trước đã thiện chấp lấy hành tướng kia, ở các tâm kia, như ý có thể khởi”. Chuẩn theo ý văn này, tổng nói hai thiện, nay chấp lấy sinh đắc nên khởi oai nghi. Tự từ nơi mười tâm sinh, nghĩa là cũng từ nơi bảy tâm của cõi Dục hợp với ba tâm trên khởi, cõi Sắc hai tâm oai nghi Hữu phú, Vô sắc hữu phú căn cứ theo cõi Dục mà nói có thể được.

Mười hai tâm cũng từ hai phương tiện trên thiện sinh ra, trước nói là tốt, gần gũi tâm thù thắng kia, chẳng khởi sinh đắc. Phương tiện cũng định bảy tâm, ban đầu đắc được định sinh ra chín tâm, tự tại khởi mười ba tâm, nếu phương tiện thiện sinh ra bảy tâm của cõi Dục. Nếu ban đầu đắc định tức là có thể khởi chín tâm, lại thêm sắc định thiện, nên quyển 69 ghi: “Nếu trước chưa khởi thiền định Vô sắc, ban đầu cõi Dục sinh thời cần phải theo cõi Dục thiện tâm, vô gián, Địa của Sơ thiền thiện tâm được sinh, trong thọ sinh vị khởi Hữu phú trên. Nếu tu tập lâu vô gián sinh ra mười ba tâm, sáu tâm của cõi Dục, trừ bất thiện, cõi Sắc ba tâm Hữu phú hợp và oai nghi, khởi hai tâm của Vô sắc, phương tiện thiện tâm và lấy Hữu phú, gồm học Vô học tâm, đều mong thiện mà nói. Từ tha sinh cũng như vậy, nghĩa là cũng từ mười ba tâm trước, phương tiện thiện này sinh.

Bất thiện, bảy tâm tự địa, giới khác có hai thuyết, định đắc được vô gián sinh ra bảy tâm của tự địa. Địa trên có hai thuyết:

1. Nếu các Dị sinh lia dục của cõi Dục, tuy không thể hàng phục

dục Kiến đạo hoặc mà định, tầm v.v... sức bị chiết phục, không khởi bất thiện, tức là dục bất thiện chẳng làm vô gián, sinh ra tâm Địa trên, do mê lý hoặc đều không chế phục nên nó được khởi, duyên theo sự không xấu hổ, các loại đã chế phục, tuy khởi mê lý, nên chẳng phải bất thiện.

2. Tức là không thể chế phục kiến sở khởi hoặc phân biệt kiến v.v... nên dung chứa bất thiện, vô gián sinh ra Dị thực cõi Sắc sinh tâm oai nghi, Hữu phú, sinh ra hai Dị thực, Hữu phú trong cõi Vô sắc, tổng có mười hai tâm. Từ trên đều bảy tâm sinh ra, nghĩa là từ bảy tâm của tự địa cũng bảy tâm trên sinh ra, từ Hữu phú của cõi Sắc, sinh đặc oai nghi gồm Dị thực sinh. Căn cứ theo tánh định con người, Sở tri chướng, nói bất thiện dưới khởi, chẳng phải thanh tịnh thiện, vì thế lực mạnh trội hơn, chẳng phải nghiệp Dị thực, khởi chẳng lẫn lộn. Ba tâm của cõi Vô sắc, sinh đặc, Hữu phú, Dị thực sinh tâm từ mười bốn tâm sinh ra. Nếu chuẩn theo giải thích ban đầu chỉ có bảy tâm của cõi Dục khởi.

Hữu phú đồng mười hai tâm, nghĩa là như sự thứ hai bất thiện tâm nói. Từ mười hai tâm khác sinh ra, nghĩa là từ bảy tâm của tự địa, năm tâm của cõi Sắc, hai thiện, Dị thực, Hữu phú, oai nghi, bốn tâm của cõi Vô sắc, trừ oai nghi của cõi Sắc. Sinh tử v.v... phân biệt nghĩa là, quyển 69 ghi: “Lúc thoái lui định hai cõi đã đặc từ trước, do nhiễm ô tâm hiện tiền nên thoái lui, nhiễm tâm dưới này từ thiện nhiễm trên vô gián mà sinh”. Đây nói thoái lui định khởi tâm dưới, lại từ chết trên theo địa trên thiện, nhiễm, Vô ký, vô gián, chỉ sinh ra địa dưới nhiễm ô. Đây nói nhuận sinh, từ loại kia khởi, lại Kiến đạo hoặc cũng dung chứa ba tánh gián đoạn sinh của cõi trên, chỉ trừ phương tiện, nghĩa như trước đã nói. Dị thực chỉ sinh ra chín tâm, tự bảy tâm hai Hữu phú nghĩa là, sinh ra bảy tâm tự địa hai Hữu phú trên tức là nhuận sinh vị. Cũng từ bảy tâm tự địa sinh, nghĩa là quyển 69 ghi: “Từ cõi Dục trói buộc, nếu thiện, nếu nhiễm ô, nếu Vô phú Vô ký, vô gián biến khắp sinh ra cõi Dục trói buộc tất cả”, nên biết Dị thực cũng từ bảy tâm khởi.

Oai nghi công xảo định chín tâm, mười lăm bất định nghĩa là, sinh ra bảy tâm tự địa hai tâm trên Hữu phú, cũng nhuận sinh vị, hoặc mười lăm bất định, nghĩa là đặc định tự tại từ hai tâm này cũng có thể khởi hai tâm, nếu không phải công xảo, chỉ khởi oai nghi và hai tâm phương tiện. Học Vô học tâm, hoặc cùng không được, vì thế lực yếu kém. Theo tự như tâm cõi Dục biến hóa Vô ký, sinh ra thiện tâm của cõi Sắc, quyển 69 nói, vẫn như trước dẫn. Hai tâm từ tha tự bảy tâm, hai cõi trên bất định, nghĩa là oai nghi, công xảo từ bảy tâm của cõi Dục sinh ra, hai cõi

trên bất định, trên dưới gián đoạn sinh, từ hai Hữu phú côi Sắc oai nghi sinh đắc Dị thực, hoặc cùng không được, vì thế lực cách xa. Vả lại, căn cứ theo tâm của côi Dục sinh ra tha tự, còn lại chuẩn theo mà biết. Luận Tập Tập quyển 5 chỉ căn cứ theo sinh nhân, có mười thứ tâm sinh thứ lớp, lược nêu ra đại cương, cũng không thuật lại đầy đủ.

Năm thức v.v... vô gián có hai luận sư.

Hỏi: Thứ hai nói nhân vị vì sao không sinh ra Vô lậu?

Đáp: Vì năm căn của nhân vị, Tướng phần của Thức thứ tám, không thể Hữu lậu, bất cộng ất sẽ đều đồng cảnh, Hữu lậu phát ra thức Vô lậu, vì sáng tối khác nhau.

Hỏi: Vả lại năm căn cũng có chủng tử của Hữu lậu, Vô lậu, nhưng thức Dị thực thừa nhận duyên theo Hữu lậu không duyên theo Vô lậu, chỉ giữ gìn không mất, ngại gì năm căn cũng khởi Vô lậu giữ gìn mà không phải duyên phát ra Vô lậu thức, tướng tốt của Vô lậu, cũng lại như vậy chăng?

Đáp: Chủng tử của Vô lậu ẩn trong Thức thứ tám không duyên, căn của Vô lậu hiển bày vì sao không duyên? Tướng tốt của Vô lậu không biến đổi chẳng phải chấp, cũng không duyên không đồng với năm căn. Lại nói năm căn ất sẽ giác thọ, không có năm căn Thức thứ tám không duyên; chủng tử chẳng phải giác thọ, tự có chủng tử Thức thứ tám không duyên.

Hỏi: Hai quả đầu, người đắc được cận phần ban đầu Vô lậu Thánh đạo, hồi tâm sau thọ biến dị sinh, khởi Vô lậu nào?

Đáp: Địa của định thứ tư, vì sao? Do hồi tâm này trội hơn tu tập, nên đắc được định thứ tư, nên luận Du-già quyển 80 ghi: “Nếu có khéo tu bốn thần túc, hoặc trụ một kiếp hoặc hơn một kiếp”, vãn kia nương theo trước, tuy căn cứ Vô học, căn cứ theo quyết định mà nói. Nay ba quả trước này, nếu không khéo tu sẽ không ở thọ, đã thừa nhận được thông mới có thể ở thọ, nên cùng tột huân tập tu thiền định Vô sắc. Luận Du-già quyển 69 ghi: “Thế nào là nguyện trí? Điều phần giải thoát lợi căn La-hán, huân tập tu biên tế thiền định thứ tư làm chỗ nương”. Tuy nói Vô học, chuẩn theo biết hồi tâm hữu học cũng như vậy. Nếu không phải nguyện trí, vì sao có thể biết thọ sẽ muốn hết, thọ biến dị ư!

Hỏi: Đã nương Vô lậu thắng định thứ tư mới thọ biến dị, vì sao không đoạn địa hoặc dưới? Nếu thừa nhận đoạn nên đắc được quả Bất hoàn, mới thọ biến dị, vì sao kinh Niết-bàn ghi: “Người chứng quả Tu-đà-hoàn trải qua tám vạn kiếp, người chứng quả A-na-hàm, trải qua sáu vạn kiếp”?

Đáp: Tuy khởi Vô lậu nương tựa Thắng tấn đạo, chẳng phải Vô gián đạo, nên không đắc được quả. Cho nên, luận Tạp Tập quyển 9 giải thích nhập vào Vô sắc tịch tịnh giải thoát, chưa lìa được dục của cõi Sắc. Nghĩa là bậc Thánh đã đắc được thiền định thứ tư, không cầu sinh về cõi Vô sắc. Xả bỏ đoạn kết đạo, nương theo thắng tấn tu, dần dần lìa lượt có thể nhập vào cõi Vô sắc tịch tịnh giải thoát định, đây nói chưa lìa sắc dục, theo không đoạn chủng tử, tịch tịnh giải thoát định tức là diệt tận định tiểu quả còn như vậy, hướng gì hồi tâm rồi mà không thể được ư?

Hỏi: Căn cứ theo Vô học kia hưởng đến đại quả thì nhanh chóng, hữu học tâm vì sao không chấp lấy quả?

Đáp: Tuy biết hưởng đến nhanh chóng, vì nhàm chán tiểu quả, cho nên không chấp lấy.

Trong Sở duyên duyên, sư thứ hai nói: Tướng phần của Thức thứ tám đỡ cho chất sinh, sư thứ ba nói: Chẳng phải chủng tử của các hữu tình đều đồng. Pháp sư Tây Hà Tuyển nói: Nhân vị thứ tám không duyên theo Vô lậu, tuy năm tánh khác nhau, chẳng phải có thể làm vấn hỏi. Lại như trường dưỡng sắc, tất cả hữu tình mạnh, yếu bất định cũng được làm duyên tuy năm tánh khác nhau, ngại gì được lo nghĩ. Và lại làm một giải thích, trường dưỡng sắc v.v... tuy hoặc mạnh yếu nhưng hữu tình đều có, nên được làm duyên chủng tử của Vô lậu hữu vô vô thể, không được lo nghĩ. Lại chủng tử nhiều ít không phải chỉ Vô lậu, đối với các hữu tình, căn cứ theo Hữu lậu, đoạn chưa đoạn khác nhau, nên được làm vấn hỏi, chính giải thích như Sở.

Tây Minh giải thích rằng: Sư thứ ba vấn hỏi, sư thứ hai nói, nên không phải phạm thánh khác nhau. Vấn hỏi này chẳng phải lý. Nhân vị thứ tám không duyên theo chủng tử Vô lậu. Lại nữa Luận sư trước chỉ nói từ ảnh thứ tám nhất định giúp đỡ chất, chẳng phải tự không chủng tử sẽ cần biến đổi khác nếu vì khác có tức là lệ thuộc theo chất, nên nhân v.v... khởi. Sở hữu sắc v.v... thường đầy đủ ảnh kia, nhất định giúp đỡ chất, tức là nhân v.v... hoặc chỉ duyên theo màu xanh v.v..., nên căn cứ theo tự tướng, nhất định cần phải giúp đỡ họ, chẳng phải sở hữu của họ đều cần phải là chất. Nay vấn hỏi này theo sở hữu của mình biến đổi có nhiều chủng tử, sở đối hữu tình, chẳng phải nhất định tương tự. Nay chuẩn theo ý của vấn hỏi, thông với nhân quả vị, nếu quả vị thứ tám duyên theo chủng tử Vô lậu hoặc có hữu tình không phải chủng tử Vô lậu, nếu mong đây nói tự tướng không có chất. Nếu nói: Nương theo Hữu vi chất không có là không giúp đỡ, vì sao không thừa nhận ở nơi mình có dụng giúp đỡ chất kia biến đổi? Đối với mình không dụng chỉ tự

mình găn gũi duyên tức là không giúp đỡ chất, nhưng Tây Minh nói: Hộ Pháp nương theo tự thức thứ tám biến đổi có dụng, vì vặn hỏi với người khác cũng không đúng lý. Luận sư kia cũng thừa nhận có dụng biến đổi. Quyển 3 trước, biến đổi căn của mình và người, đều thừa nhận có dụng, chẳng phải vô dụng biến đổi. Lại vặn hỏi biến đổi khí cũng thừa nhận có dụng, chẳng phải là thừa nhận có vô dụng cũng biến đổi.

Luận: Trừ sát-na sau.

Sớ giải thích nghĩa chuẩn, Bồ-tát ba tâm trong tướng Kiến đạo, hai tâm trước căn ban đầu, tâm thứ ba thuộc về về căn thứ hai, văn của luận không lựa ra, trừ Kiến đạo nào? Sát-na sau cùng vì tổng tướng nói. Hoặc nương theo luận Tạp Tập tổng có mười sáu tâm tùy theo tướng khác mà nói.

Luận Tạp Tập quyển 9 ghi: “Vị tri nhiếp kiến, Dĩ tri nhiếp tu, Cụ tri nhiếp Vô học, vì luận Tát-bà-đa tâm thứ mười sáu phán phân thuộc về Tu đạo, nên là tùy theo tha”. Hoặc một sát-na ít, ẩn theo nhiều nói tu. Lại do Tiểu thừa nói, mười sáu tâm duyên với bốn Đế, đến tâm thứ mười sáu không có gì chưa biết, nên thuộc về Dĩ tri.

Nếu Đại thừa nói chung mười sáu tâm đồng duyên theo lý trí, Đạo loại trí chịu duyên theo trí đã khắp, khác với Hữu bộ, nên tâm thứ mười sáu thuộc về Dĩ tri căn. Hoặc nương theo Nhị thừa, hoặc nương theo họ chuyển, nay căn cứ theo luận Du-già, Duy Thức quyển 9, tướng kiến của Bồ-tát lại có ba tâm, do pháp chân trước, vô gián, giải thoát, riêng chung kiến lập. Hai tâm đầu quán riêng tâm thứ ba hợp với pháp, tức là quán lại, chẳng phải vị tri đương tri vì có thể sẽ biết. Lại luận Tạp Tập quyển 10 ghi: “Như vậy mười căn, trước chưa biết chân, là muốn được hết tu tập chuyển, gọi là Vị tri đương tri căn”. Hai tâm chánh tri, nên tâm thứ ba tức là thuộc về căn thứ hai, tuy là Kiến đạo thuộc về căn thứ hai, nhưng luận Tạp Tập nói “Bồ-tát không quán hai mươi sáu tâm”, có thể như đã nói, đến tâm thứ ba gọi là Dĩ tri căn, nhưng không phải vẫn lựa ra hai mươi sáu tâm. Lại như chỉ quán chân trí mười sáu tâm có thể như đã nói, trên dưới bốn Đế mười sáu tâm như thế nào? Lại luận Du-già v.v... ghi: “Ban đầu vô tướng, từ Thế đệ nhất vô gián mà sinh”. Ba tâm, mười sáu chỉ nói theo đây, không thể nói là chân tướng đồng thời, do đạo lý này, chân sau ba tâm và hai mươi sáu tâm đều gọi là tướng kiến.

Căn cứ theo ý đây nói, không thừa nhận Sớ giải thích ba tâm, tâm thứ ba thuộc về căn thứ hai. Lại nói: Vô tướng từ Thế đệ nhất pháp vô gián mà sinh, nghĩa là sư thừa nhận chân, tướng đồng thời, nghĩa nói

trước sau, nay cho rằng không đúng. Ba tâm Kiến đạo, luận Du-già quyển 55 cũng nói: “Từ Quyết trạch phần biên tế thiện căn vô gián mà sinh”, luận này cũng hợp, các tướng Kiến đạo nương theo chân giả nói Thế đệ nhất pháp vô gián mà sinh, chẳng phải chỉ vô tướng. Lại hai mươi sáu tâm đều là duyên lại, vì sao hai mươi sáu tâm đều là pháp chân kiến, tức là ba tâm sau, quán lại pháp kia, vì sao chẳng phải Dĩ tri? Nếu theo quán tục, mười sáu tâm trên dưới tâm mười sáu chưa có trí biết nên gọi là Đương tri. Nếu nói rằng luận nói từ sát-na sau, luận cũng nói rằng không có gì là chưa biết, tức là thuộc về tâm thứ hai. Nên biết luận Tạp Tập nói mười lăm tâm trước là chưa biết, tùy theo tướng khác nói đã biết, tức là nhiếp Tu đạo. Căn cứ theo Đại thừa tâm thứ mười sáu tuy đã biết căn là Kiến đạo nên biết các thuyết nghĩa ý đều khác nhau, nhưng trong Số tự chia ra lớn nhỏ, lập thành ba căn khác nhau.

Luận: Ba loại trước Vô sắc v.v... Số giải thích rằng: Nó không có gia hạnh, lại từng chưa khởi hiện hành, Vô lậu chấp lấy dị sinh trước tu đặc gọi là hiện quán biên, tuy không phải hiện hành cũng thuộc về căn này, Tu đạo được khởi. Nay lại chuẩn theo văn quyển 69, tư lương, gia hạnh, Kiến đạo cũng tăng, trong Tu đạo khởi. Luận kia giải thích trí của thế tục, khoảng đầu, giữa, sau sinh khởi thứ lớp nói: Năm kiến tham v.v... là nhiễm ô v.v... các trí của thế tục lẽ ra đoạn, nên biết là muốn sinh khởi đối trị kia nên khởi vô đảo kiến, là thiện Hữu lậu thuộc về trí của thế tục. Cho đến nói: Lại vì Thế đệ nhất pháp kia đã nhiếp trí của thế tục làm chỗ nương, nên có thể nhập vào Kiến đạo. Lúc tiến lên Kiến đạo, tức là trước đã tu thiện trí của thế tục đã có chủng tử, do họ huân tu đều được thanh tịnh, cũng gọi là tu. Đây thì gọi là để hiện quán biên, các trí của thế tục ra khỏi Kiến đạo rồi sinh khởi trí này chứng được kiến sở đoạn, các pháp giải thoát.

Văn này đồng nói Tam thừa đều khởi. Kế văn sau nói lại có thể rõ biết ngã rồi chứng được quả Dự lưu v.v... nên biết Đại thừa ở nơi Kiến đạo giải thoát phần vị trước, khởi thiện của Vô sắc, cũng sinh về Vô sắc nên biết tư lương đồng tu Vô sắc, nhập vào kiến tu các Thừa khác, trong luận không nói, tu các Thừa khác là chỉ Căn bản vị, chỉ là Vô lậu, chuẩn theo luận sau giải thích Vô sắc cũng có ba thứ Vô lậu căn. Quyển 57 ghi: “Ba thứ dưới Vô sắc có mười một căn, thông với lậu Vô lậu”. Căn cứ theo Đại thừa đây không đồng với Hữu bộ nhập vào Kiến đạo rồi lại không hiện khởi.

Hỏi: Nếu ở nơi Tu đạo bốn thiện căn v.v... đều được khởi lại, vì sao không là đoạn?

Đáp: Cũng không như vậy, vì địa vị khác nhau. Nếu địa vị Tu đạo chẳng gọi là thiện căn, như chủng tử của Kiến đạo, sau cùng sinh ra tu, nếu không như vậy, Tu đạo từ chủng tử nào khởi? Tuy chủng tử của Kiến đạo sinh, không phải gọi là kiến. Sau địa vị Tu đạo, tuy chủng tử kia sinh, không gọi là thiện căn. Lại vốn chủng tử của Vô lậu ở nơi tư lương, gia hạnh cũng gọi là đạo kia, luận Tập Tập nói là thuộc về Đạo đế, đều thừa nhận không lẫn lộn nên nó cũng như vậy.

Hỏi: Ở địa vị Căn bản thế tục tu các Thừa khác cũng được gọi là Căn bản chăng?

Đáp: Gọi là Căn bản là lỗi gì!

Hỏi: Chẳng phải Vô lậu nên lỗi chăng?

Đáp: Nói Vô lậu là căn cứ theo hiện hành mà nói, căn cứ theo Vị tri, Đương tri căn mà nói, chẳng phải căn cứ theo chủng tử. Yếu Tập ghi: “Thế tục chẳng phải Vô lậu, không được gọi là căn bản cũng lẽ ra Vô sắc không phải Kiến đạo, không được gọi căn bản, tuy không có Kiến đạo, nói là căn bản, tuy thuộc về Hữu lậu, tướng từ tên căn bản nên cũng không có lỗi”.

Hỏi: Luận nói trở lại hướng đến Đại thừa là chứng được Pháp không, đã khởi Sinh không, thuận theo lợi ích Pháp không, có thể thuộc về căn này Hữu lậu không thuận theo, vì sao cũng thuộc về đây?

Đáp: Nhị thừa Sinh không có bất thuận, chỉ nêu trở lại hướng đến Đại thừa, sở tu Hữu lậu, đều thuận theo Kiến đạo, tu các thừa khác làm căn lỗi gì? Nên Yếu Tập ghi: “Tu các Thừa khác là chỉ chấp lấy Vô lậu, trí thế tục v.v... không giúp đỡ Kiến đạo”, có thể thừa nhận mắc lỗi. Yếu Tập v.v... ghi: “Bồ-tát địa trước chưa khởi Vô lậu, Nhị thừa Sinh không, trí Vô lậu là chủng tánh kia”. Chẳng phải là Bồ-tát vì lượng thành lập, Sinh không Vô lậu địa trước không khởi, nay cho rằng không đúng. Luận này nói, hoặc địa vị của hàng Nhị thừa trở lại hướng đến Đại thừa, là chứng được Pháp không, Địa trước cũng khởi chín Địa đã nhiếp Sinh không Vô lậu, luận kia đều Bồ-tát thuộc về căn này, nay không thừa nhận đâu phải không trái ư? Nhị thừa Thánh hồi tâm mong Đại thừa, đâu có thể không khởi trí Vô lậu ư? Hồi tâm rồi bỏ tức gọi là Bồ-tát, đã khởi Vô lậu vì sao chẳng phải căn này. Kinh Pháp Hoa ghi: “Sở hành của các ông là đạo của Bồ-tát”. Căn cứ theo bất định đều là căn này.

Hỏi: Pháp của bậc học Vô học thông với lậu Vô lậu, vì sao hai thứ sau đều chỉ Vô lậu không thông với lậu?

Đáp: Căn cứ theo nghĩa tăng thượng, để lập ra nơi căn Hữu lậu

ở trong các Đế quán hiện tại, chẳng phải tăng thượng thù thắng. Nếu chuẩn theo luận Tạp Tập quyển 5, hai thứ sau cũng thông với Hữu lậu, Vô lậu, Dĩ tri thông với Cụ tri xả ưu, nên đây nói Vô lậu.

Hỏi: Căn cứ theo tăng thượng thù thắng, nếu như vậy căn ban đầu sẽ không thông với lậu?

Đáp: Vì ở trong dị sinh, tăng thượng này thù thắng.

Hỏi: Luận Du-già quyển 57 hỏi rằng: Có bao nhiêu căn nhập vào Sơ thiên?

Đáp: Tám căn, một phần của ba căn sau có thể nhập vào, một phần không thể nhập vào. Trước nói tám căn tức là chung tướng nói nghĩa là tín v.v... năm căn hỷ, lạc, xả căn. Ba căn sau một phần có thể nhập vào, lợi căn chiêu lấy quả và nhập vào Đại thừa, một phần không thể thuần căn, tuệ thoát A-la-hán v.v...

Nói thứ ba cũng tám căn, nhưng chẳng phải ngay nơi hỷ, đây căn cứ y có thể nhập vào thuyết kia, nên thông với hỷ căn, chẳng phải ngay nơi kia là chẳng nhập vào địa kia, thiên định thứ tư và định của Vô sắc bảy căn có thể vào. Căn cứ theo lạc làm chỗ nương nhập vào định thứ tư, chẳng phải định của Vô sắc cũng lạc làm chỗ nương, hoặc căn cứ theo lân cận siêu việt, nêu một căn hiển bày cái khác. Ba căn sau có một căn có thể vào, có một căn không thể vào, thứ lớp tuệ thoát ba căn không thể vào, siêu việt lấy thứ ba. Độc giác, Bồ-tát đây đều có thể vào, hoặc thông với chủng tử, hiện hành, chẳng phải chỉ theo hiện hành.

Hỏi: Chẳng phải lạc, hỷ, xả ba thọ đều sinh, vì sao đều nói chín căn làm thể?

Đáp: Ba Vô lậu căn thông với chín căn kia, chẳng phải nói sát-na mỗi mỗi đều đầy đủ, như nương theo cận phần chỉ có hỷ căn, ba thiên định dưới tức là có lạc căn, nương theo định thứ tư tức là có xả căn, nên chỉ nói chung.

Hỏi: Căn cứ theo tông của Đại thừa, phi phi tướng xứ cũng có Vô lậu, vì sao không nói bốn định của Vô sắc cũng có căn này? Nhưng quyển 57 ghi: “Địa của phi tướng nhưng chỉ có tám căn”. Căn cứ theo đây tức là có tín v.v... năm căn và ý, xả, mạng, không phải ba căn Vô lậu, vì sao như vậy ư?

Đáp: Căn cứ theo tông của Đại thừa, tuy có Vô lậu, tùy theo tướng khác mà nói, nên không có Vô lậu, hoặc Vô lậu kia vì mê muội yếu kém chẳng phải thể của ba căn. Nếu như vậy luận này lại nói: từ Kiến đạo, sau đã có tín v.v... chín căn của Vô lậu, tất cả đều là thể của hai căn sau, chuẩn theo đây được vặn hỏi, trước giải thích là thù thắng.

